TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HSST
Ngày: 13/8/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân : - Ông Nguyễn Huy Vinh.

- Bà Nguyễn Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy tham gia phiên tòa: bà **Trần Ngọc Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị cáo:

Họ và tên: **LVB**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08/01/1998 tại: Lạc Thủy, Hòa Bình; Nơi đăng ký thương trú (ĐKTT): thôn ĐD, xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên bố: LVL, sinh năm 1974; Họ tên mẹ: BTB, sinh năm 1975; vợ con: chưa có

Tiền án: 01 (Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 32/2020/HS-ST ngày 11/12/2020). Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 09/2017/QĐ-TA ngày 12/9/2017 (Đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ, tạm giam công an huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa

- *Bị hại:* Anh **TVT1**, sinh năm 1982. Nơi ĐKTT: thôn QH, xã HT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: thôn ĐD, xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Đặng Chung Đ2**, sinh năm 1997. Nơi ĐKTT: thôn PhD, xã ATn, huyện MĐ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **QTA1**, sinh năm 1989. Nơi ĐKTT: thôn TLm, xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08h00 ngày 06/3/2024, LVB gặp anh Quách Văn T3, ở cùng thôn và mượn điện thoại di động của anh T3 để gọi cho anh TVT1 hỏi mượn xe mô tô để đi uống thuốc Methadone tại Trạm y tế xã PT thì anh TVT1 đồng ý. Sau đó, anh TVT1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER, Biển kiểm soát (BKS): 28L1-153.50 ra cổng làng ĐD đưa xe mô tô cho LVB. Sau khi mượn được xe, LVB điều khiển xe đi đến Trạm y tế xã PT để uống thuốc Methadone, sau khi uống thuốc xong, LVB nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô để lấy tiền tiêu sài cá nhân nên LVB điều khiển xe mô tô BKS 28L1-153.50 đi đến quán cắt tóc của anh Đặng Chung Đ2, sinh năm 1997 tại thôn HTh, ThS, Lg Sn, Hòa Bình, LVB. Vào quán cắt tóc LVB nói với anh Đ2 đây là xe của mình do cần tiền nên cầm cố xe để lấy số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), hẹn đến chiều quay lại trả tiền, chuộc xe thì anh Đ2 đồng ý. Sau khi lấy được tiền, LVB đi xe taxi đến khu vực TT thuộc thị trấn ĐN, huyện MĐ, thành phố Hà Nội, mua 01 gói ma túy từ một người đàn ông dáng người gầy, cao khoảng 1m75, tầm 40 tuổi, đầu cắt trọc để râu quai nón với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) để sử dụng cho bản thân, số tiền còn lại LVB sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đến tối cùng ngày, không thấy LVB mang xe mô tô đến trả, anh TVT1 đã đến nhà tìm LVB nhiều lần nhưng không gặp. Nên ngày 25/3/2024 anh TVT1 đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an huyện Lạc Thủy.

Cáo trạng số 27/CT – VKS, ngày 19/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đã truy tố LVB về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản " theo điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

- Người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh QTA1 đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Chung Đ2 yêu cầu LVB trả lại số tiền 4.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo LVB. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc LVB phải trả cho anh Đặng Chung Đ2 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Về vật chứng của vụ án: Các tài liệu, đồ vật thu giữ trong quá trình điều tra. Cơ quan điều tra (CQĐT) đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nên không đề nghị xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

* *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Xin HĐXX xem xét cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng:*

CQĐT công an huyện Lạc Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quATn hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].*Về nội dung vụ án:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 06/3/2024, bị cáo LVB đã mượn anh TVT1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER, BKS: 28L1-153.50. Sau đó, mang xe của anh TVT1 đi cầm cố để vay số tiền 4.000.000 đồng. LVB đã sử dụng số tiền này chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng lấy lại xe để trả cho anh TVT1.

Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 02/04/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Thuỷ kết luận: Giá trị tài sản bị xâm hại là 21.650.000 đồng.

[3] *Về tội danh và hình phạt*:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã từng phạm tội và phải chấp hành hình phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên bị coi là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4]. *Về hình phạt bổ sung:*

Xét bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Nên HĐXX không xem xét.

Anh QTA1 đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì. Nên HĐXX không xem xét.

Anh Đặng Chung Đ2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000 đồng đã vay. Xét yêu cầu của anh Đ2 là đúng pháp luật nên buộc bị cáo có nghĩa vụ phải trả cho anh Đặng Chung Đ2 số tiền 4.000.000 đồng.

[6]. *Về các vấn đề khác:*

Đối với anh Đặng Chung Đ2 là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô HONDA WINNER, BKS: 28L1-153.50 và cho bị cáo vay 4.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định anh Đ2 do tin tưởng đây là xe của LVB nên đã nhận cầm cố chiếc xe trên, anh Đ2 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của LVB, mặt khác sau khi biết sự việc anh Đ2 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe nên CQĐT không đề cập xử lý. HĐXX cho là phù hợp.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo LVB tại khu vực TT thuộc thị trấn ĐN, MĐ, Hà Nội có đặc điểm như bị cáo khai nhận, CQĐT đã tiến hành xác minh

nhưng không xác định được tên, tuổi địa chỉ nên chưa có căn cứ để xử lý. HĐXX cho là phù hợp

[7]. *Về án phí:*

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Quyền kháng cáo được tuyên theo quy định tại Điều 331 BLHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố: bị cáo LVB phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt LVB 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo LVB phải trả cho anh Đặng Chung Đ2 số tiền 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo LVB phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày. Đối với bị cáo có mặt tính từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình; VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thuỷ; Công an huyện;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có QL.NVLQ;
- Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS Lạc Thuỷ;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã ……..;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Thái Hùng Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hùng Dũng